

Phụ lục I
ĐỊNH MỨC, TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG
TRUNG ƯƠNG - LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP



Mô hình Trồng rừng thâm canh cây Bời lời đỏ
(Ban hành kèm theo Quyết định số **230/QĐ-BNN-KHCN** ngày **15 tháng 01 năm 2019**
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Số TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu của chương trình	Mức hỗ trợ	
				Vùng miền núi	Vùng khó khăn
I	Vật tư hỗ trợ (mật độ trồng 3.330 cây/ha)				
1	Cây giống	cây/ha	3.330	2.330	3.330
2	Cây giống trồng dặm (10%)	cây/ha	333	233	333
3	Phân bón năm thứ 1, năm 2, năm 3: (0,2 kg NPK (10:5:3)/cây)	kg/ha	666	466	666
4	Thuốc chống mối (0,01 kg/cây)	kg/ha	33,3	23,3	33,3
II	Tập huấn				
1	Đối tượng trực tiếp tham gia xây dựng mô hình	01 lần/ mô hình cho toàn bộ số người tham gia mô hình; thời gian: 01 ngày/lớp.			
2	Đối tượng không trực tiếp tham gia xây dựng mô hình (Nhân rộng mô hình)	01 lần/ mô hình; thời gian tập huấn 03 ngày/lớp (có lý thuyết và thực hành)			
III	Thông tin tuyên truyền		Xây dựng Pano quảng cáo mô hình: 01 pano/điểm trình diễn; xây dựng tờ gấp tranh hướng dẫn kỹ thuật; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.		
IV	Tham quan, hội thảo		Tổ chức tham quan, hội thảo: 01 lần/ mô hình.		
V	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật (15-20 ha/mô hình)		Năm 1: 09 tháng/người; Năm 2: 06 tháng/người; năm 3: 04 tháng/người.		

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG
TRUNG ƯƠNG - LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**

Mô hình: Trồng rừng gỗ lớn thâm canh cây Keo lai mô và Keo tai tượng

Số TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu của chương trình	Mức hỗ trợ	
				Vùng miền núi	Vùng khó khăn
I	Vật tư hỗ trợ (mật độ trồng 1.660 cây/ha)				
1	Cây giống	cây/ha	1.660	1.160	1.660
2	Cây giống trồng dặm (10%)	cây/ha	166	116	166
3	Phân bón năm thứ 1, năm 2, năm 3: (0,2 kg NPK (10:5:3)/cây)	kg/ha	332	232	332
II	Tập huấn				
1	Đối tượng trực tiếp tham gia xây dựng mô hình	01 lần/ mô hình cho toàn bộ số người tham gia mô hình; thời gian: 01 ngày/lớp.			
2	Đối tượng không trực tiếp tham gia xây dựng mô hình (Nhân rộng mô hình)	01 lần/ mô hình; thời gian tập huấn 03 ngày/lớp (có lý thuyết và thực hành)			
III	Thông tin tuyên truyền				
		Xây dựng Pano quảng cáo mô hình: 01 pano/điểm trình diễn; xây dựng tờ gấp tranh hướng dẫn kỹ thuật; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.			
IV	Tham quan, hội thảo				
		Tổ chức tham quan, hội thảo: 01 lần/ mô hình.			
V	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật (15-20 ha/mô hình)				
		Năm 1: 09 tháng/người; Năm 2: 06 tháng/người; năm 3: 04 tháng/người.			

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG
TRUNG ƯƠNG - LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**

Mô hình: Trồng cây cát sâm dưới tán rừng

Số TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu của chương trình	Mức hỗ trợ	
				Vùng miền núi	Vùng khó khăn
I	Vật tư hỗ trợ (mật độ trồng 5.000 cây/ha)				
1	Cây giống	cây/ha	5.000	3.500	5.000
2	Cây giống trồng dặm (10%)	cây/ha	500	350	500
3	Phân bón và thuốc BVTV năm 1				
	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg/ha	70	49	70
	Phân đạm nguyên chất (N)	kg/ha	45	31,5	45
	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg/ha	30	21	30
	Phân hữu cơ vi sinh	kg/ha	250	175	250
	Chế phẩm sinh học Bokachi	kg/ha	4	2,8	4
	Thuốc bảo vệ thực vật	đồng/ha	1.000.000	700.000	1.000.000
4	Phân bón và thuốc BVTV năm 2				
	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg/ha	60	42	60
	Phân đạm nguyên chất (N)	kg/ha	40	28	40
	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg/ha	30	21	30
	Chế phẩm sinh học Bokachi	kg/ha	3	2,1	3
II	Tập huấn				
1	Đối tượng trực tiếp tham gia xây dựng mô hình	01 lần/ mô hình cho toàn bộ số người tham gia mô hình; thời gian: 01 ngày/lớp.			
2	Đối tượng không trực tiếp tham gia xây dựng mô hình (Nhân rộng mô hình)	01 lần/ mô hình; thời gian tập huấn 03 ngày/lớp (có lý thuyết và thực hành)			
III	Thông tin tuyên truyền		Xây dựng Pano quảng cáo mô hình: 01 pano/điểm trình diễn; xây dựng tờ gấp tranh hướng dẫn kỹ thuật; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.		
IV	Tham quan, hội thảo		Tổ chức tham quan, hội thảo: 01 lần/ mô hình.		
V	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật (3-5 ha/mô hình)		Năm 1: 09 tháng/người; Năm 2: 06 tháng/người; năm 3: 04 tháng/người.		

**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG
TRUNG ƯƠNG - LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**

Mô hình: Trồng thâm canh Hà thủ ô đỗ trên đất lâm nghiệp không có rừng

Số TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu của chương trình	Mức hỗ trợ	
				Vùng miền núi	Vùng khó khăn
I	Vật tư hỗ trợ (mật độ trồng 20.000 cây/ha)				
1	Cây giống	cây/ha	20.000	14.000	20.000
2	Cây giống trồng dặm (10%)	cây/ha	2.000	1.400	2.000
3	Phân bón và thuốc BVTV năm 1				
	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg/ha	360	252	360
	Phân đạm nguyên chất (N)	kg/ha	22	15	22
	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg/ha	32	22	32
	Phân hữu cơ vi sinh	kg/ha	1.000	700	1.000
	Chế phẩm sinh học Bokachi	kg/ha	3	2,1	3
	Thuốc bảo vệ thực vật	đồng/ha	1.000.000	700.000	1.000.000
4	Phân bón và thuốc BVTV năm 2				
	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg/ha	240	168	240
	Phân đạm nguyên chất (N)	kg/ha	88	61	88
	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg/ha	48	33	48
	Chế phẩm sinh học Bokachi	kg/ha	3	2,1	3
II	Tập huấn				
1	Đối tượng trực tiếp tham gia xây dựng mô hình	01 lần/ mô hình cho toàn bộ số người tham gia mô hình; thời gian: 01 ngày/lớp.			
2	Đối tượng không trực tiếp tham gia xây dựng mô hình (Nhân rộng mô hình)	01 lần/ mô hình; thời gian tập huấn 03 ngày/lớp (có lý thuyết và thực hành)			
III	Thông tin tuyên truyền		Xây dựng Pano quảng cáo mô hình: 01 pano/điểm trình diễn; xây dựng tờ gấp tranh hướng dẫn kỹ thuật; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.		
IV	Tham quan, hội thảo		Tổ chức tham quan, hội thảo tổng kết: 01 lần/ mô hình		
V	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật (3-5 ha/điểm trình diễn)		Năm 1: 09 tháng/người; Năm 2: 06 tháng/người; năm 3: 04 tháng/người.		